

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2020/HNGĐ -ST
Ngày: 08 - 7 -2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trước
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồ Quế Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:
không tham gia

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 92/2020/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXX-ST, ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần T, sinh năm 1982 (có mặt)
HKTT: ấp T, xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
2. *Bị đơn:* Anh Trần Tấn P, sinh năm 1981 (vắng mặt)
HKTT: ấp T, xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/02/2020 của nguyên đơn chị Trần T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Chị T và anh P tự nguyện tìm hiểu và

tiến đến hôn nhân vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 28/11/2002. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng không còn tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Phước

- Về con chung: Có 03 con chung tên Trần T, sinh năm 2003; Trần T, sinh năm 2005 và Trần T, sinh ngày 18/01/2012. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết bị đơn anh Trần Tấn P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có đến dự phiên hòa giải cũng như không có bản khai cho Tòa án.

Tại phiên tòa: Có mặt nguyên đơn. Vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn trình bày: yêu cầu ly hôn với anh Trần Tấn P. Con chung: chị T thay đổi yêu cầu là giao 03 con chung cho anh P nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt theo quy định khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2000, chị T và anh P cưới nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 148 ngày 28/11/2002. Nguyên đơn trình bày: vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Anh P còn công khai có mối quan hệ khác bên ngoài nhưng không đồng ý ly hôn với chị T. Hai người hiện nay đã không còn sống chung nữa. Xét mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng không thể hàn gắn lại được với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét ý kiến của chị T là có căn cứ để chấp nhận bởi vì bị đơn không có ý kiến về yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn gửi Tòa án cũng như không tham dự phiên tòa. Do đó, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn Tòa án cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp Điều 56 luật Hôn nhân & gia đình.

[4] Về con chung: Có 03 con chung tên Trần T, sinh năm 2003; Trần T, sinh năm 2005 và Trần T, sinh ngày 18/01/2012. Tại tòa chị T thay đổi yêu cầu là giao 03 con chung cho anh Phước nuôi dưỡng để tiện cho việc sinh hoạt, học hành của các cháu vì hiện tại các con vẫn đang sống chung nhà với anh P. Tuy nhiên, tại bản khai ý kiến ngày 25/02/2020 của cháu T, cháu T và cháu T thì cả 03 đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ đến khi trưởng thành. Bên cạnh đó, anh P cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc nuôi con chung. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng là không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, Tòa án giao 03 con chung cho chị T nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra để xem xét.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xét

[6] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không đặt ra để giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ. Nguyên đơn đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005604 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần T được ly hôn với anh Trần Tấn P

2. Về con chung: giao cháu Trần T, Trần T và Trần T cho chị T nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục các con. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nếu sau này có yêu cầu.

Bị đơn có quyền khởi kiện thay đổi việc nuôi con chung nếu sau này có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005604 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

Nơi nhận:

-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-THADS huyện;
-UBND xã nơi ĐKKH;
-Các đs;
-Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Tấn Phong